

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MIRAE ASSET (VIỆT NAM)

2013

Tp. Hồ Chí Minh ngày 4 tháng 4 năm 2014

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch:
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MIRAE ASSET (VIỆT NAM)
- Giấy phép thành lập và hoạt động số 73/UBCK-GP ngày 18 tháng 12 năm 2007 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp, sửa đổi lần 1: số 218/QĐ-UBCK ngày 8/4/2009, sửa đổi lần 2: số 23/GPĐC-UBCK ngày 6/4/2011, sửa đổi lần 3 số 35/GPĐC-UBCK ngày 12/8/2013
- Vốn điều lệ: 300.000.000.000 VND
- Địa chỉ: Số 91 Pasteur, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
- Số điện thoại: (84) 8 3910 2222
- Số fax: (84) 8 3910 7222
- Website: www.masvn.com

2. Quá trình hình thành và phát triển

- Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset được thành lập theo Quyết định số 73/UBCK-GP ngày 18/12/2007 của Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước. Ngày 8/4/2009, Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước ban hành Quyết định số 218/QĐ-UBCK chấp thuận việc đổi tên thành Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam) (“**Công ty**”).
- Ngày 27/2/2009, Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước có Quyết định số: 109/QĐ-UBCK chấp thuận việc thành lập Chi nhánh Công ty tại Hà Nội.
Tên Chi nhánh: Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Mirae Asset – Chi Nhánh Hà Nội.
Địa chỉ Chi nhánh: Tầng 8, Phòng 810, Trung tâm thương mại Daeha, 360 đường Kim Mã, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.
Người đứng đầu Chi nhánh: Ông Kang Moon Kyung.
- Thành viên lưu ký tại Trung Tâm Lưu Ký Chứng Khoán Việt Nam (“TTLKCK”) theo Quyết định số 82/GCNTVLK ngày 10/1/2008 của TTLKCK.
- Thành viên giao dịch tại Sở Giao Dịch Chứng Khoán Tp. Hà Nội theo Quyết định số 98/QĐ-TTGDHN ngày 14/3/2008 của Trung Tâm Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội.
- Thành viên giao dịch tại Sở Giao Dịch Chứng Khoán Tp. HCM theo Quyết định số 77/QĐ-SGDHCM ngày 19/3/2008 của Sở Giao Dịch Chứng Khoán TP. Hồ Chí Minh.
- Thành viên đầu thầu tại SGDCK Tp. Hà Nội theo Giấy chứng nhận ngày 19/3/2008.
- Ngày 10/7/2009, Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước có Quyết định số: 411/QĐ-UBCK chấp thuận việc đổi tên và người đứng đầu Chi nhánh.
Tên Chi nhánh: Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Mirae Asset (Việt Nam) – Chi Nhánh Hà Nội.
Người đứng đầu Chi nhánh: Nguyễn Hoàng Yên.
- Ngày 28/1/2010, Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước có Quyết định số 65/QĐ-UBCK chấp thuận việc thay đổi địa điểm trụ sở Chi nhánh tại Hà Nội.

Địa chỉ Chi nhánh: Tầng 4, Tòa nhà số 27 phố Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

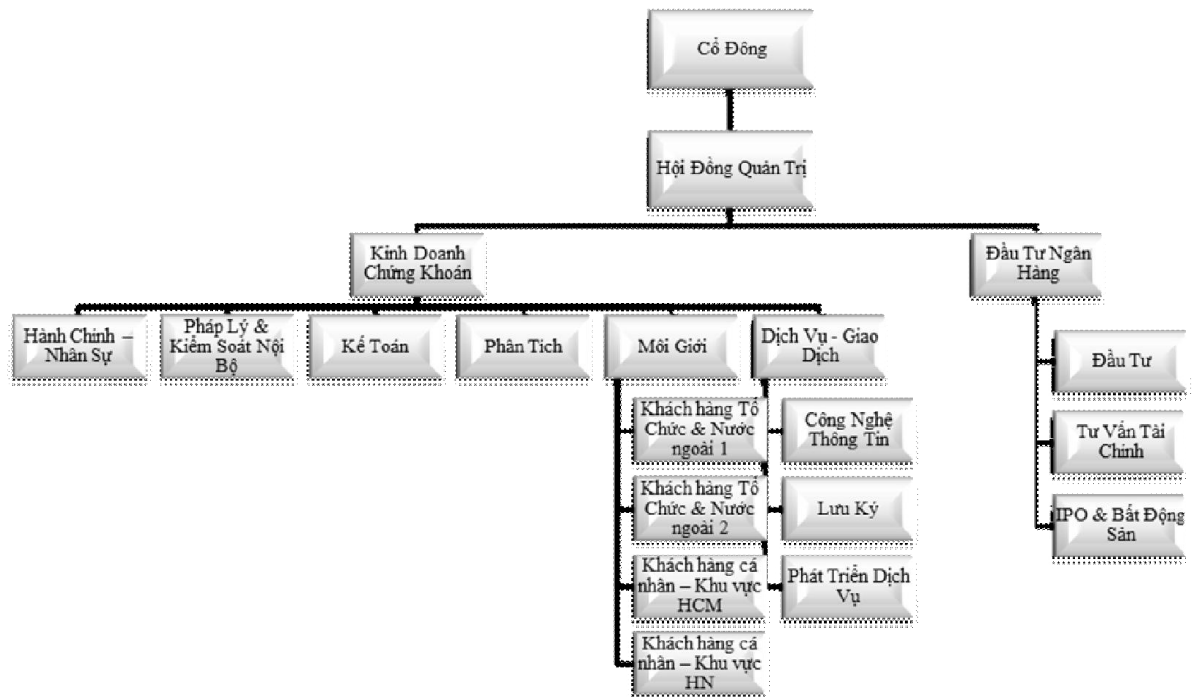
- Ngày 6/4/2011, Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước ban hành Giấy phép điều chỉnh số 23/GPĐC-UBCK chấp thuận việc thay đổi địa điểm trụ sở chính của Công ty về số 91 Pasteur, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. HCM.
- Ngày 12/8/2013, Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước ban hành Giấy phép điều chỉnh số 35/GPĐC-UBCK chấp thuận thay đổi người đại diện theo pháp luật (chức danh: Tổng Giám Đốc). Theo đó, người đại diện theo pháp luật mới là ông Woo Young Ki.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

- Công ty có trụ sở chính tại Số 91 Pasteur, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh và Chi nhánh tại Tầng 4, Tòa nhà số 27 phố Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội. Công ty được thực hiện đầy đủ 4 nghiệp vụ sau đây:
 - Môi giới chứng khoán;
 - Tự doanh chứng khoán;
 - Bảo lãnh phát hành chứng khoán;
 - Tư vấn đầu tư chứng khoán.
- Hiện nay Công ty chủ yếu thực hiện hai nghiệp vụ chính là Môi giới chứng khoán và Tư vấn đầu tư chứng khoán.

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

Mô hình quản trị và cơ cấu bộ máy quản lý



5. Định hướng phát triển

5.1 Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

- Về mục tiêu kinh doanh: Với mong muốn đem đến cho khách hàng những dịch vụ tốt nhất thông qua việc nâng cấp, hoàn thiện các sản phẩm dịch vụ của Công ty.
- Về phát triển con người: Công ty cũng chú trọng đến công tác tuyển dụng và đào tạo đội ngũ cán bộ, nhân viên thực sự có năng lực, có đạo đức nghề nghiệp, nắm bắt và đáp ứng kịp thời mọi nhu cầu của khách hàng. Vì thế, đội ngũ nhân viên Bộ phận Môi giới và Tư vấn đầu tư chứng khoán được Công ty đặc biệt quan tâm. Hiện tại, nhân viên làm việc tại Bộ phận này đều đã trang bị cho mình đầy đủ bằng cấp, chứng chỉ cũng như có bề dày kinh nghiệm và thâm niên trong lĩnh vực này.
- Về quản lý Công ty: Trong năm qua Công ty đã cập nhật cũng như chỉnh sửa nhiều quy trình nghiệp vụ chuyên môn, đồng thời cũng đang rà soát và sửa đổi quy trình liên quan đến quản trị rủi ro nhằm đảm bảo tốt nhất các hoạt động kinh doanh của Công ty tuân thủ các quy định của pháp luật cũng như các nguyên tắc riêng của Tập đoàn và Công ty.

Trên cơ sở đánh giá, phân tích kinh tế vĩ mô cũng như thị trường chứng khoán, mục tiêu chủ yếu của Công ty giai đoạn 2014-2015 là nâng cao năng lực tài chính và cải thiện năng lực cạnh tranh nhằm giữ vững vị thế và khẳng định thương hiệu của một tổ chức tài chính chuyên nghiệp.

5.2 Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- Đang trong quá trình chuẩn bị hồ sơ nhằm hoàn tất việc tái cấu trúc Công ty theo quy định của pháp luật Việt Nam trong khuôn khổ Cam kết của Việt Nam khi gia nhập Tổ chức Thương Mại Thế giới (WTO).
- Công ty đã trải qua 6 năm kinh nghiệm với thị trường chứng khoán Việt Nam, vì thế, Công ty tiếp tục phát huy và phối hợp với các công ty khác trực thuộc Tập đoàn Mirae Asset tại Việt Nam phát triển bền vững, lâu dài hội nhập với kinh tế khu vực và thế giới, được các nhà đầu tư nước ngoài biết đến như là một cầu nối giữa thị trường tài chính trong nước và thế giới.

5.3 Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty

- Nhận thức được tầm quan trọng của trách nhiệm doanh nghiệp đối với xã hội trong việc tạo ra sự cân bằng giữa kinh doanh và sự phát triển của cộng đồng, Công ty cũng đã tổ chức các hoạt động mang tính cộng đồng và khuyến khích nhân viên tích cực tham gia (như vận động đóng góp từ thiện, tham gia hỗ trợ, tài trợ cho các chương trình từ thiện...). Công ty sẽ tiếp tục phát huy và tích cực nhân rộng hoạt động cộng đồng này.
- Ngoài ra, nhằm tạo sự gắn kết và hiểu biết nhau trong cộng đồng làm việc ở Công ty, Công ty sẽ cố gắng tổ chức các buổi thi đấu thể thao giữa các phòng, bộ phận trong Công ty, cũng như các hoạt động liên hoan, văn nghệ, dã ngoại, cắm trại, giao lưu giữa các thành viên trong Công ty.

6. Các rủi ro

- Kể từ khi thành lập đến nay, thị trường chứng khoán Việt Nam luôn tạo ra sự hấp dẫn thông qua những con sóng lớn, nhỏ ở bất cứ giai đoạn phát triển nào của nền kinh tế. Đặc tính của chứng khoán Việt Nam là thị trường mới nổi, còn non trẻ và cần nhiều thời gian để hoàn thiện, phát triển. Do đó, tâm lý nhà đầu tư dễ bị lung lay và phải luôn đối mặt với các thách thức bán tháo khi nhà đầu tư mất niềm tin vào thị trường hoặc nền kinh tế. Điều này dẫn đến nguy cơ khó gia tăng số lượng nhà đầu tư ảnh hưởng đến lợi nhuận và định hướng phát triển dài hạn của Công ty.
- Điểm yếu của thị trường chứng khoán Việt Nam là tính minh bạch chưa cao, nguồn tin và báo cáo còn nhiều sai lệch, chưa kể nhà đầu tư trong nước cũng còn thiếu hiểu biết cũng như kinh nghiệm đầu tư. Ngoài ra, biên độ dao động lớn sẽ là yếu tố rủi ro rất cao cho những nhà đầu tư lạm dụng đòn bẩy tài chính. Đồng thời, những rủi ro về lãi suất tăng cao và lạm phát cũng tác động không nhỏ đến các quyết định mua, bán chứng khoán của nhà đầu tư. Chính điều này tạo tâm lý e ngại cho Công ty trong việc mở rộng các sản phẩm dịch vụ của Công ty.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

- 1.1 Năm 2013, nền kinh tế Việt Nam vẫn đứng trước khó khăn và thị trường chứng khoán Việt Nam năm qua chứng kiến sự trời sập khó dự báo và nhìn chung vẫn mang màu sắc âm đạm. Trước áp lực cạnh tranh gay gắt và tác động của nền kinh tế, cũng giống như nhiều công ty chứng khoán khác, Công ty chưa thu được lợi nhuận mặc dù hoạt động ổn định.
- 1.2 Tình hình thực hiện so với kế hoạch
 - Năm 2013, Công ty đã đưa hệ thống Core System đi vào hoạt động ổn định, nâng cao chất lượng dịch vụ cho nhà đầu tư.
 - Doanh thu hoạt động kinh doanh năm 2013 đạt 29 tỷ Đồng.

2. Tổ chức và nhân sự

2.1 Danh sách Ban Điều Hành

- Ông Woo Young Ki – Tổng Giám đốc

Ông Woo Young Ki đã từng làm việc tại Bộ phận Kiểm toán và Tư vấn dịch vụ tài chính của Pricewaterhouse Coopers (PwC) Hàn Quốc, Ông Woo Young Ki tham gia từ giai đoạn thành lập Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam) và điều hành các bộ phận gián tiếp hỗ trợ cho các bộ phận nghiệp vụ. Ông có nhiều kinh nghiệm và hiểu biết về chứng khoán và thị trường chứng khoán, đặc biệt thị trường Hàn Quốc và các thị trường mới nổi khác như Việt Nam.

- Ông Lee Cheol Hee – Giám đốc Bộ phận Ngân hàng đầu tư

Với hơn 4 năm làm việc tại Việt Nam, Ông Lee Cheol Hee có kinh nghiệm sâu rộng về môi trường kinh doanh Việt Nam và đã điều hành đội ngũ nhân viên thuộc bộ phận Ngân hàng đầu tư thực hiện nhiều dự án. Trước khi gia nhập Công ty Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam), Ông đã có thời gian làm việc tại Bộ phận Quản lý tài sản của Công ty Chứng khoán Mirae Asset Hàn Quốc và tại Quỹ Prodigy Venture, một công ty quản lý quỹ danh tiếng tại Hoa Kỳ.

2.2 Thay đổi Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành trong năm

Trong năm 2013, Công ty đã miễn nhiệm ông Moon Kyung Kang và bổ nhiệm ông Woo Young Ki làm Tổng Giám đốc – người đại diện theo pháp luật của Công ty.

2.3 Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động

- Tổng số nhân viên của Công ty vào cuối năm 2013 là 40 người.
- Chính sách đối với người lao động: các chế độ bảo hiểm theo quy định, chương trình kiểm tra sức khỏe hàng năm, chương trình đào tạo, thưởng Tết và thưởng theo kết quả công việc, chương trình phụ cấp chứng chỉ hành nghề cho nhân viên có chứng chỉ hành nghề.

2.4 Thay đổi thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát, kế toán trưởng

Trong năm 2013, Công ty không có sự thay đổi thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát; có sự thay đổi Ban giám đốc và Kế toán trưởng.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

- Các khoản đầu tư lớn: Tính đến thời điểm hiện tại, Công ty không có khoản đầu tư lớn nào.
- Các công ty con, công ty liên kết: Tính đến thời điểm hiện tại, Công ty không có công ty con hoặc công ty liên kết nào.

4. Tình hình tài chính

4.1 Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	2012	2013	% tăng, giảm
Tổng giá trị tài sản	310,089,685,530	319,191,687,069	3%
Doanh thu thuần	45,953,633,711	29,396,005,583	-36%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	604,440,288	(14,340,976,539)	-2473%
Lợi nhuận khác	(213,417,059)	(49,517,749)	-77%

Lợi nhuận trước thuế	391,023,229	(14,390,494,288)	-3780%
Lợi nhuận sau thuế	237,502,345	(14,390,494,288)	-6159%

4.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	2012	2013	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán + Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn + Hệ số thanh toán nhanh: TSLĐ - Hàng tồn kho Nợ ngắn hạn	8.45	5.25	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn + Hệ số Nợ/Tổng tài sản + Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	11% 13%	18% 23%	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động + Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán Hàng tồn kho bình quân + Doanh thu thuần/Tổng tài sản	15%	9%	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản + Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần.	0.50% 0.10% 0.10% 1.30%	-48.95% -5.53% -4.51% -49%	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Loại cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ
<u>Trong nước</u>			
Cá nhân	8	210.000	0.7%
Tổ chức	2	15.090.000	50.3%
<u>Nước ngoài</u>			
Tổ chức	1	14.700.000	49%
<u>Tổng số cổ phần</u>		30.000.000 (cổ phần phổ thông)	

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

- Trong bối cảnh thị trường chứng khoán năm 2013 vẫn còn nhiều khó khăn, luồng tiền chảy vào thị trường chứng khoán cũng giảm mạnh. Tuy nhiên, Công ty luôn đảm bảo phương châm phát triển trên những nguyên tắc nền tảng cơ bản bằng việc không đưa ra các dịch vụ trái luật định nhằm đảm bảo sự phát triển bền vững và thu hút khách hàng.
- Chi phí kinh doanh của Công ty chủ yếu là các chi phí cố định như lương nhân viên, khấu hao tài sản và thuê văn phòng. Cùng với việc phục vụ khách hàng tốt là việc bảo đảm đời sống cán bộ công nhân viên với mức thu nhập cạnh tranh với thị trường lao động hiện tại và mức lạm phát chung của nền kinh tế. Chi phí tăng chủ yếu là chi phí lương và chi phí đầu tư cho việc nâng cấp, bảo trì hệ thống giao dịch.

Nhìn chung, trong năm 2013, Công ty đã không ngừng nỗ lực bám sát thị trường và cũng đã có doanh thu để bù đắp phần nào những chi phí hoạt động của Công ty.

2. Tình hình tài chính

a. Tình hình tài sản

Tại thời điểm 31/12/2013, tổng giá trị tài sản của Công ty tăng 3% so với cùng kỳ năm 2012.

b. Tình hình nợ phải trả

Nợ ngắn hạn của Công ty tại thời điểm cuối năm 2013 tăng từ hơn 35 tỷ lên hơn 58 tỷ Đồng chủ yếu do tiền gửi giao dịch chứng khoán của khách hàng tăng từ 32 tỷ (2012) lên 56 tỷ 2013.

3. Kế hoạch phát triển trong tương lai

- Trong bối cảnh thị trường chứng khoán vẫn còn nhiều khó khăn, các hoạt động của Công ty sẽ co về hoạt động lõi để đảm bảo an toàn và sẵn sàng khi thị trường phục hồi. Mục tiêu tiên quyết trong năm 2014 của Công ty là chống đỡ với khó khăn thị trường sụt giảm và phân đầu hoạt động kinh doanh có lãi.
- Thực hiện các biện pháp tiết giảm chi phí tối đa bao gồm chi phí quản lý và chi phí nhân viên thông qua nâng cao năng suất lao động.
- Tiếp tục xây dựng và mở rộng các sản phẩm dịch vụ tiềm năng và tăng cường kênh tìm kiếm khách hàng và nhà đầu tư.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Công ty đã hoạt động theo đúng các chủ trương, Nghị Quyết của Hội đồng Quản trị và tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành về kinh doanh chứng khoán.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty

Hội đồng Quản trị cũng đánh giá cao tinh thần của Ban Giám đốc trong việc điều hành các hoạt động kinh doanh của Công ty trong suốt năm 2013. Tuy tình hình thị trường chứng khoán vẫn còn nhiều khó khăn, nhưng với sự nỗ lực hết sức, Ban Giám đốc đã nỗ lực hạn chế lỗ và có tình hình tài chính lành mạnh.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị năm 2014

Trong môi trường cạnh tranh của các công ty chứng khoán ngày càng khốc liệt cùng với sự quản lý và kiểm soát ngày càng chặt chẽ của các quy định pháp luật, để tiếp tục mục tiêu nâng cao năng lực tài chính và cải thiện năng lực cạnh tranh nhằm giữ vững và nâng cao vị thế của Công ty trên thị trường, Hội đồng Quản trị của Công ty sẽ tập trung vào các hướng hoạt động như sau:

- Tiếp tục cải thiện hệ thống công nghệ thông tin nhằm khai thác và phát triển các sản phẩm dịch vụ mới, nâng cao năng lực cạnh tranh.
- Tăng cường kiểm soát doanh thu, chi phí nhằm duy trì hoạt động kinh doanh có lãi.
- Tiếp tục đẩy mạnh công tác quản trị và kiểm soát rủi ro nhằm quản trị tốt hơn, đảm bảo Công ty không mắc phải các rủi ro có thể ảnh hưởng tới hoạt động và kế hoạch kinh doanh đã đặt ra.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị Công ty bao gồm những thành viên sau:

- a. Ông Nguyễn Hữu Hiếu - Chủ tịch Hội đồng Quản trị
- b. Ông Moon Kyung Kang - Thành viên Hội đồng Quản trị
- c. Ông Seong Moon Jeong - Thành viên Hội đồng Quản trị
- d. Ông Byoung Youb Jeon – Thành viên Hội đồng Quản trị
- e. Ông Vũ Hoài Linh – Thành viên Hội đồng Quản trị

Trong đó, có những thành viên sau đây có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty như sau:

- Ông Moon Kyung Kang: Chương trình đào tạo: Quản lý đầu tư, Hoạch định tài chính, Hoạch định tài chính điều lệ Mỹ.
- Ông Byoung Youb Jeon: Chương trình đào tạo: Hoạch định tài chính.

Tỷ lệ sở hữu cổ phần/vốn góp và những thay đổi trong tỷ lệ nắm giữ cổ phần/vốn góp của thành viên Hội đồng Quản trị:

STT	Tên	Chức vụ	Tỷ lệ nắm giữ cổ phần
1	Ông Nguyễn Hữu Hiếu	Chủ tịch Hội đồng Quản trị/ Đại diện cổ đông sáng lập	45.3%
2	Ông Seong Moon Jeong	Thành viên Hội đồng Quản trị/ Đại diện cổ đông sáng lập	49%

Hội đồng Quản trị có tổng cộng 5 thành viên, trong đó có 2 thành viên là người Việt Nam, 3 thành viên là người Hàn Quốc. Do cơ cấu thành viên Hội đồng Quản trị như trên, nên các cuộc họp của Hội đồng Quản trị phần lớn đều được tổ chức thông qua việc trao đổi bằng email và lấy ý kiến bằng văn bản. Tuy nhiên, các thành viên Hội đồng Quản trị vẫn thường xuyên gặp gỡ để trao đổi về tình hình hoạt động của Công ty. Nội dung chính thảo luận tại các phiên họp sau khi đạt được sự thống nhất giữa các thành viên Hội đồng Quản trị, tùy mức độ có thể được thể chế thành Nghị quyết hoặc việc Chủ tịch Hội đồng Quản trị ban hành các Quyết định có liên quan. Trong năm 2013, Hội đồng Quản trị triệu tập 5 phiên họp và ban hành Nghị quyết với một số nội dung chính như sau:

- Quyết định cổ tức cho năm tài chính 2012;
- Phê duyệt Báo cáo tài chính năm 2012;
- Thông qua kế hoạch tổ chức Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên;
- Thống nhất ban hành các quy chế về thu nhập tiền lương năm 2013;
- Xác định phương hướng hoạt động kinh doanh của công ty năm 2013;
- Bổ nhiệm, điều động một số vị trí cán bộ của Công ty.

Về hoạt động của thành viên Hội đồng Quản trị độc lập không điều hành: Hội đồng Quản trị có bốn người là thành viên độc lập, không kiêm nhiệm các chức danh điều hành của Công ty. Cơ cấu này đảm bảo cho Hội đồng Quản trị độc lập với Ban điều hành và tập trung vào định hướng phát triển Công ty.

2. Ban Kiểm soát

Ban Kiểm Soát bao gồm ba thành viên theo quy định tại Điều lệ Công ty, cụ thể như sau:

- Ông Nghiêm Thông (thành viên độc lập)
- Ông Nguyễn Hữu Tuấn (thành viên độc lập)
- Ông Woo Young Ki (thành viên kiêm điều hành)

Trong năm 2013, Ban kiểm soát đã thường xuyên làm việc với Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và các Bộ phận nghiệp vụ để nắm rõ tình hình hoạt động của Công ty, phục vụ cho việc báo cáo Đại hội đồng cổ đông trong cuộc họp thường niên năm 2013. Ban kiểm soát đã tiến hành 3 cuộc họp với việc thống nhất thực hiện một số hoạt động sau của Công ty:

- Kiểm toán nội bộ định kỳ toàn công ty;
- Thực hiện quy trình kiểm soát nội bộ;
- Thực hiện quy trình quản lý rủi ro;
- Kiểm toán nội bộ báo cáo tài chính;
- Giám sát tỷ lệ vốn khả dụng và các tỷ lệ an toàn tài chính;
- Tổ chức huấn luyện đào tạo nâng cao nhận thức cho nhân viên về quản lý rủi ro và vấn đề tuân thủ.

Hoạt động của Bộ phận Kiểm soát nội bộ cũng đóng vai trò quan trọng trong việc đảm bảo sự tuân thủ pháp luật và các quy trình nội bộ.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

Trên cơ sở hoạt động thực tế của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc, Công ty đã thực hiện thanh toán thù lao cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, Ban Giám đốc của Công ty như sau:

- Thù lao của Hội đồng quản trị
Tổng số thành viên: 5 thành viên
Tổng thù lao năm 2013: 3.436.504.494VNĐ
- Thù lao của Ban Kiểm soát
Tổng số thành viên: 3 thành viên
Tổng thù lao năm 2013: 1.498.449.357VNĐ
- Thù lao của Ban Giám Đốc
Tổng số thành viên: 2 thành viên
Tổng thù lao năm 2013: 3.807.390.290VNĐ
- Phụ cấp hội họp năm 2013: không có

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Ý Kiến Kiểm toán

Báo cáo của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam, Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán, và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính được trình bày từ trang 5 đến trang 42 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam) (“Công ty”) tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam, Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán, và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Tổng Giám đốc cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Tổng Giám đốc đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính này.



Ông Võo Young Ki
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 3 năm 2014

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam) (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành 7 tháng 3 năm 2014, được trình bày từ trang 5 đến trang 42.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với báo cáo tài chính

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam, Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm đối với hệ thống kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của đơn vị kiểm toán

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của đơn vị liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của đơn vị. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Tổng Giám đốc, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam) tại **Error! Reference source not found.** ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam, Thông tư 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh

Việt Nam

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số: 4114000230

Báo cáo kiểm toán số: 13-01-227/5



Nguyễn Thanh Nghị
Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0304-2013-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Trần Đình Vinh
Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0339-2013-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 3 năm 2014

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mẫu B 01 - CTCK

2. Báo cáo Tài chính được kiểm toán

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
 Bảng Cân đối Kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 150)	100		309.292.895.448	299.730.703.136
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	150.115.053.286	225.995.738.453
Tiền	111		56.327.053.286	34.495.738.453
Các khoản tương đương tiền	112		93.788.000.000	191.500.000.000
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	120.226.485.528	57.810.866.248
Các khoản đầu tư ngắn hạn	121		120.288.154.258	57.869.873.408
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(61.668.730)	(59.007.160)
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		38.224.062.382	15.253.501.812
Phải thu khách hàng	131		-	3.978.555.000
Trả trước cho người bán	132		29.472.979	80.672.979
Phải thu từ hoạt động giao dịch chứng khoán	135	7	29.838.766.305	8.779.343.317
Các khoản phải thu khác	138	8	8.355.823.098	2.414.930.516
Tài sản ngắn hạn khác	150		727.294.252	670.596.623
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		660.294.253	600.096.624
Tài sản ngắn hạn khác	158		66.999.999	70.499.999
Tài sản dài hạn (200 = 220 + 250 + 260)	200		9.898.791.621	10.358.982.394
Tài sản cố định	220		5.650.222.732	5.965.528.067
Tài sản cố định hữu hình	221	9	1.029.100.980	1.854.560.611
<i>Nguyên giá</i>	222		11.970.104.366	13.742.907.784
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(10.941.003.386)	(11.888.347.173)
Tài sản cố định vô hình	227	10	4.621.121.752	4.110.967.456
<i>Nguyên giá</i>	228		7.484.375.340	10.723.811.049
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(2.863.253.588)	(6.612.843.593)
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	6	572.618.000	572.618.000
Đầu tư dài hạn khác	258		572.618.000	572.618.000

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – CTCK

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Tài sản dài hạn khác	260		3.675.950.889	3.820.836.327
Chi phí trả trước dài hạn	261	11	1.384.266.740	1.893.853.774
Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán	263	12	865.992.296	408.599.012
Tài sản dài hạn khác	268	13	1.425.691.853	1.518.383.541
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		319.191.687.069	310.089.685.530
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		58.988.069.412	35.495.573.585
Nợ ngắn hạn	310		58.928.182.412	35.435.686.585
Phải trả người bán	312		1.113.544.500	-
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	14	323.020.801	550.738.301
Chi phí phải trả	316	15	1.174.347.025	1.589.852.577
Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	16	233.498.859	339.868.997
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	320	17	56.083.771.227	32.955.226.710
Nợ dài hạn	330		59.887.000	59.887.000
Dự phòng – dài hạn	337		59.887.000	59.887.000
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400	18	260.203.617.657	274.594.111.945
Vốn chủ sở hữu	410		260.203.617.657	274.594.111.945
Vốn cổ phần	411	19	300.000.000.000	300.000.000.000
Quỹ dự phòng tài chính	415		11.875.117	11.875.117
Quỹ dự trữ bổ sung vốn cổ phần	418		11.875.117	11.875.117
Lỗi lũy kế	420		(39.820.132.577)	(25.429.638.289)
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		319.191.687.069	310.089.685.530

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

	Mã số	Mẫu B 01 – CTCK	
		31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán			
5. Ngoại tệ các loại	005	3.726.738	3.801.943
6. Chứng khoán lưu ký	006	8.171.842.420.000	5.200.778.680.000
Trong đó:			
6.1 Chứng khoán giao dịch	007	8.161.343.670.000	5.189.783.290.000
6.1.1 Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	008	199.510.000	187.680.000
6.1.2 Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	009	153.740.240.000	175.014.850.000
6.1.3 Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	010	8.007.403.920.000	5.014.580.760.000
6.2 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	012	-	5.486.760.000
6.2.1 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của thành viên lưu ký	013	-	50.000
6.2.2 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	014	-	561.910.000
6.2.3 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng nước ngoài	015	-	4.924.800.000
6.4 Chứng khoán nắm giữ tạm thời	022	194.800.000	-
6.4.2 Chứng khoán nắm giữ tạm thời của khách hàng trong nước	024	194.800.000	-
6.5 Chứng khoán chờ thanh toán	027	9.715.700.000	4.325.400.000
6.5.2 Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	029	9.415.700.000	4.192.100.000
6.5.3 Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng nước ngoài	030	300.000.000	133.300.000
6.7 Chứng khoán chờ giao dịch	037	588.250.000	1.183.230.000
6.7.1 Chứng khoán chờ giao dịch của thành viên lưu ký	038	150.000	-
6.7.2 Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng trong nước	039	441.220.000	1.173.420.000
6.7.3 Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng nước ngoài	040	146.880.000	9.810.000
6.8 Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay	042	20.515.960.000	22.913.970.000
6.8.2 Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay của khách hàng trong nước	044	20.515.960.000	22.913.970.000

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

	Mã số	Mẫu B 01 – CTCK	
		31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
7. Chứng khoán lưu ký chưa niêm yết	050	6.077.060.000	33.000.000
Trong đó:			
7.1 Chứng khoán giao dịch	051	6.077.060.000	33.000.000
7.1.1 Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	052	2.250.000	-
7.1.2 Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	053	2.856.130.000	33.000.000
7.1.3 Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	054	3.218.680.000	-

Ngày 7 tháng 3 năm 2014

Người lập:

Người duyệt:

Ngày 12 tháng 3 năm 2014

Người lập:



Bà Nguyễn Hồng Quyên
Kế toán viên

Người duyệt:



Bà Ngô Thanh Thủy
Kế toán trưởng



Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Báo cáo kết quả hoạt động cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mẫu B 02 – CTCK

	Mã Thuyết số t minh	2013 VND	2012 VND
Doanh thu thuần từ hoạt động kinh doanh	10	29.396.005.583	45.953.633.711
<i>Trong đó:</i>			
Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán		6.733.251.293	11.858.993.487
Doanh thu từ hoạt động kinh doanh chứng khoán		18.860.915	19.464.143
Doanh thu dịch vụ tư vấn		50.000.000	3.834.182.727
Doanh thu từ lưu ký chứng khoán		286.770.699	300.172.769
Doanh thu khác	20	22.307.122.676	29.940.820.585
Chi phí hoạt động	11	25.005.716.138	27.543.459.797
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20	4.390.289.445	18.410.173.914
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	18.731.265.984	17.805.733.626
(Lỗ)/lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 - 25)	30	(14.340.976.539)	604.440.288
Thu nhập khác	31	5.435.507	1.118.585
Chi phí khác	32	54.953.256	214.535.644
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40	(49.517.749)	(213.417.059)
(Lỗ)/lợi nhuận trước thuế (50 = 30 + 40)	50	(14.390.494.288)	391.023.229
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51 21	-	153.520.884
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52 21	-	-
(Lỗ)/lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60	(14.390.494.288)	237.502.345

Ngày 12 tháng 3 năm 2014

Người lập:



Bà Nguyễn Hồng Quyên
Kế toán viên

Người duyệt:



Bà Ngô Thanh Thùy
Kế toán trưởng



Ông Võ Young Ki
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – CTCK

	Mã số	2013 VND	2012 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
(Lỗ)/lợi nhuận trước thuế	01	(14.390.494.288)	391.023.229
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	2.152.868.579	2.366.530.541
Các khoản dự phòng	03	2.661.570	59.007.160
Tiền lãi từ tiền gửi ngân hàng	05	(19.910.739.000)	(28.589.982.383)
Tiền lãi từ hoạt động ứng trước cho khách hàng	05	(239.299.036)	(33.648.152)
Tiền lãi từ hoạt động cho vay giao dịch ký quỹ	05	(2.157.084.640)	(34.996.934)
Tiền lãi từ hợp đồng mua bán lại	05	-	(1.282.193.116)
Lỗ từ thanh lý tài sản cố định	05	52.613.000	-
Chi phí lãi vay	06	70.465.109	32.274.763
Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	(34.419.008.706)	(27.091.984.892)
Biến động các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác	09	(17.592.584.554)	(10.402.827.149)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	23.492.495.827	5.082.829.013
Biến động chi phí trả trước	12	625.153.261	548.737.896
		(27.893.944.172)	(31.863.245.132)
Tiền lãi vay đã trả	13	(70.465.109)	(32.274.763)
Thuế thu nhập đã nộp	14	-	(153.520.884)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	92.691.688	259.980.000
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động kinh doanh	20	(27.871.717.593)	(31.789.060.779)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua tài sản cố định	21	(2.065.940.100)	(5.833.213.278)
Tiền chi cho tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng	23	(62.400.000.000)	(57.600.000.000)
Tiền thu từ việc bán lại trái phiếu theo hợp đồng mua bán lại	24	-	20.000.020.820
Tiền chi mua các khoản đầu tư	25	(18.280.850)	(28.369.485)
Tiền thu từ việc bán các khoản đầu tư	26	-	458.461.000
Tiền thu lãi từ các khoản tiền gửi ngân hàng	27	14.127.981.472	30.895.704.605
Tiền thu lãi từ khoản ứng trước cho khách hàng	27	236.362.394	33.648.152
Tiền thu lãi từ các khoản cho vay giao dịch ký quỹ	27	2.110.909.510	34.996.934
Tiền thu lãi từ hợp đồng mua bán lại	27	-	1.282.193.116
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư	30	(48.008.967.574)	(10.756.558.136)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – CTCK

	Mã số	2013 VND	2012 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền chi trả các khoản nợ thuê tài chính	35	-	(400.576.281)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động tài chính	40	-	(400.576.281)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	(75.880.685.167)	(42.946.195.196)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	225.995.738.453	268.941.933.649
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60) (Thuyết minh 5)	70	150.115.053.286	225.995.738.453

Ngày 12 tháng 3 năm 2014

Người lập:



Bà Nguyễn Hồng Quyên
Kế toán viên

Người duyệt:



Bà Ngô Thanh Thùy
Kế toán trưởng



Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mẫu B 09 – CTCK

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam) (“Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Hoạt động chính của Công ty là thực hiện các hoạt động môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, dịch vụ bảo lãnh phát hành chứng khoán và dịch vụ tư vấn đầu tư chứng khoán.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Công ty có 41 nhân viên (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 47 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính được lập phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam, Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán, và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Báo cáo tài chính được lập và trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VND”).

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái xấp xỉ tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

Tiền và các khoản tương đương tiền cũng bao gồm các khoản tiền gửi thanh toán giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư mà những khoản tiền này được hạch toán riêng biệt với số dư tài khoản tại ngân hàng của Công ty.

(c) Chứng khoán thương mại và đầu tư dài hạn khác

(i) Phân loại

Công ty phân loại các chứng khoán niêm yết và chưa niêm yết được mua với mục đích kinh doanh là chứng khoán thương mại.

Đầu tư dài hạn khác là các khoản vốn góp mà Công ty dự định nắm giữ hơn một năm (trừ các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh và công ty liên kết).

(ii) Ghi nhận

Công ty ghi nhận chứng khoán thương mại và các khoản đầu tư dài hạn tại ngày ký kết các điều khoản của hợp đồng đầu tư (kế toán theo ngày giao dịch).

(iii) Đo lường

Chứng khoán thương mại đã niêm yết được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán bằng cách tham khảo giá đóng cửa tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội tại ngày báo cáo.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – CTCK

Chứng khoán thương mại chưa niêm yết nhưng được tự do mua bán trên thị trường phi tập trung (“thị trường OTC”) được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng giảm giá bằng cách tham khảo giá giao dịch được cung cấp bởi ba công ty chứng khoán.

Chứng khoán thương mại chưa niêm yết nhưng không được tự do mua bán trên thị trường OTC và các khoản đầu tư dài hạn khác được phản ánh theo nguyên giá, trừ đi dự phòng giảm giá dựa trên đánh giá của Tổng Giám đốc.

Dự phòng giảm giá chứng khoán thương mại và đầu tư dài hạn khác được đề cập ở trên sẽ được hoàn nhập khi việc tăng lên sau đó của giá trị có thể thu hồi là do sự kiện khách quan xảy ra sau khi khoản dự phòng được ghi nhận. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập đến mức tối đa bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư này khi chưa lập dự phòng.

Nguyên giá chứng khoán thương mại và đầu tư dài hạn khác được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

(iv) Chấm dứt ghi nhận

Chứng khoán thương mại và các khoản đầu tư dài hạn khác được chấm dứt ghi nhận khi các quyền lợi nhận các luồng tiền từ các khoản đầu tư đã chấm dứt hoặc Công ty đã chuyển phần lớn rủi ro và lợi ích của việc sở hữu.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản ứng trước cho khách hàng trong các hoạt động giao dịch chứng khoán, khoản cho vay giao dịch ký quỹ, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập dựa trên tình trạng nợ quá hạn hoặc các khoản lỗ dự kiến đối với các khoản nợ chưa đến hạn có thể phát sinh khi một tổ chức kinh tế phá sản hoặc giải thể; hoặc bên mượn nợ mất tích, bỏ trốn, bị truy tố, đi tù, đang bị xét xử, được hưởng án treo hoặc đã qua đời.

Dự phòng phải thu khó đòi dựa trên tình trạng nợ quá hạn được lập theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 như sau:

Tình trạng nợ quá hạn	Tỷ lệ dự phòng
Từ sáu (6) tháng đến dưới một (1) năm	30%
Từ một (01) đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) đến dưới ba (03) năm	70%
Từ ba (03) năm trở lên	100%

Dự phòng phải thu khó đòi dựa trên lỗ dự kiến của các khoản nợ chưa đến hạn được lập dựa trên quyết định của Tổng Giám đốc sau khi xem xét khả năng thu hồi của các khoản nợ này.

(e) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ dụng cụ văn phòng	4 năm
▪ phương tiện vận chuyển	4 năm

Theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định (“Thông tư 45”) cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013, Công ty phân loại lại giá trị ghi sổ của tài sản cố định hữu hình không còn đủ tiêu chuẩn là tài sản cố định do giá trị của chúng thấp hơn quy định tại Điều 3 của Thông tư 45, vào chi phí trả trước dài hạn và sau đó phân bổ chúng vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong vòng 3 năm kể từ ngày phân loại lại hoặc chi phí trả trước ngắn hạn và sau đó phân bổ chúng trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong vòng 1 năm kể từ ngày phân loại lại.

(f) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 3 đến 4 năm.

(g) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Phí hội viên câu lạc bộ chơi golf

Phí hội viên câu lạc bộ chơi golf được ghi nhận theo nguyên giá và phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 38 năm.

(ii) Chi phí trả trước dài hạn khác

Chi phí trả trước dài hạn khác chủ yếu bao gồm chi phí nâng cấp tài sản thuê được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm và các chi phí khác được phân loại lại từ tài sản cố định hữu hình theo Điều 3 của Thông tư 45

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – CTCK

(xem 3(e) (ii)) và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng không quá ba năm kể từ ngày phân loại lại.

(h) Các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và khoản phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

(i) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở mức lương hiện tại của nhân viên và thời gian họ làm việc cho Công ty.

Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Công ty và các nhân viên phải đóng vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp, Công ty không phải lập dự phòng trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của nhân viên sau ngày 1 tháng 1 năm 2009. Tuy nhiên, trợ cấp thôi việc phải trả cho các nhân viên đủ điều kiện hiện có tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013 sẽ được xác định dựa trên số năm làm việc của nhân viên được tính đến 31 tháng 12 năm 2008 và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước thời điểm thôi việc.

Dự phòng trợ cấp thôi việc được ghi nhận vào chi phí nhân viên trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(j) Phân loại các công cụ tài chính

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty và tính chất và mức độ rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, Công ty phân loại các công cụ tài chính như sau:

(i) Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – CTCK

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được Tổng Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các tài sản tài chính đã được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- các khoản mà Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Tài sản sẵn sàng để bán

Tài sản sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- các khoản cho vay và các khoản phải thu;
- các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn; hoặc

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – CTCK

- các tài sản tài chính xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(ii) Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Tổng Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu thỏa mãn một trong các điều kiện sau:
 - được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phải sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phải sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

(k) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ trong năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – CTCK

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(l) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận như vốn chủ sở hữu. Chi phí phát sinh trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu phổ thông được ghi nhận như một khoản giảm trừ vào vốn chủ sở hữu.

(m) Dự trữ bắt buộc

Theo Thông tư số 11/2000/TT-BTC ngày 1 tháng 2 năm 2000, các công ty chứng khoán phải thực hiện việc trích lập các quỹ sau đây từ lợi nhuận sau thuế trước khi phân phối lợi nhuận:

	Trích lập hàng năm	Số dư tối đa
Quỹ dự trữ bổ sung vốn cổ phần	5% lợi nhuận sau thuế	10% vốn cổ phần
Quỹ dự phòng tài chính	5% lợi nhuận sau thuế	10% vốn cổ phần

(n) Doanh thu

(i) Doanh thu môi giới chứng khoán

Doanh thu từ hoạt động môi giới chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi giao dịch chứng khoán của khách hàng được thực hiện.

(ii) Doanh thu từ hoạt động đầu tư chứng khoán

Doanh thu từ hoạt động đầu tư chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh dựa trên thông báo khớp lệnh cho các giao dịch kinh doanh chứng khoán từ Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (đối với các chứng khoán đã niêm yết) và thỏa thuận chuyển nhượng tài sản đã được hoàn tất (đối với các chứng khoán chưa niêm yết).

(iii) Doanh thu từ dịch vụ tư vấn

Doanh thu từ hoạt động tư vấn đầu tư chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tương ứng với mức độ hoàn tất giao dịch tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Mức độ hoàn tất của giao dịch được ước tính dựa trên tham chiếu bằng khảo sát các

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – CTCK

công việc đã thực hiện.

(iv) Doanh thu từ hoạt động kinh doanh nguồn vốn
Doanh thu từ hoạt động kinh doanh nguồn vốn chủ yếu phản ánh thu nhập lãi tiền gửi tại các ngân hàng. Doanh thu từ hoạt động kinh doanh nguồn vốn được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ trên cơ sở dồn tích.

(o) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(p) Các công ty liên quan

Các công ty liên quan bao gồm công ty mẹ cấp cao nhất và các công ty con và công ty liên kết của công ty mẹ này.

(q) Số dư bằng không

Các khoản mục hoặc số dư quy định trong Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán mà không được phản ánh trên báo cáo tài chính thì được hiểu là có số dư bằng không.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – CTCK

4. Khối lượng và giá trị giao dịch trong năm

	Khối lượng giao dịch		Giá trị giao dịch	
	2013	2012	2013 VND	2012 VND
a) Công ty				
Cổ phiếu	1.235	2.748	18.031.590	27.159.020
Trái phiếu	-	210.230	-	21.282.213.936
b) Nhà đầu tư/khách hàng				
Cổ phiếu	188.138.518	130.094.772	3.459.768.610.200	2.409.813.762.800
Trái phiếu	59.550.000	46.770.000	6.342.509.000.000	4.917.783.050.000
Chứng khoán khác	-	8.358.336	-	434.572.296.000
	247.689.753	185.436.086	9.802.295.641.790	7.783.478.481.756

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Tiền mặt	5.542.500	768.996.500
Tiền gửi ngân hàng	56.321.510.786	33.726.741.953
<i>Trong đó: Tiền gửi thanh toán giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư</i>	<i>56.083.771.227</i>	<i>32.955.226.710</i>
Các khoản tương đương tiền	93.788.000.000	191.500.000.000
	150.115.053.286	225.995.738.453

Tiền và các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 có số ngoại tệ xấp xỉ 3.726.738 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 3.801.943 VND).

Các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng bằng VND có thời gian đáo hạn không quá 3 tháng.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – CTCK

6. Các khoản đầu tư

Chỉ tiêu	Số lượng		Giá trị sổ sách		So với giá thị trường				Giá trị thị trường	
	Số dư cuối năm	Số dư đầu năm	Số dư cuối năm	Số dư đầu năm	Tăng	Số dư đầu năm	Số dư cuối năm	Giảm	Số dư cuối năm	Số dư đầu năm
	Cổ phiếu/Trái phiếu		VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
I. Chứng khoán thương mại (i)	11.180	9.773	288.154.258	269.873.408	33.266.195	9.392.765	61.668.730	59.007.160	259.751.723	220.259.013
Cổ phiếu niêm yết	10.180	8.773	186.902.195	168.621.345	33.266.195	9.392.765	61.668.730	59.007.160	158.499.660	119.006.950
ACB	1.449	1.290	39.700.320	37.367.070	-	-	17.095.920	16.340.070	22.604.400	21.027.000
CII	33	33	824.800	824.800	-	-	187.900	55.900	636.900	768.900
DBC	33	33	623.700	623.700	13.200	52.800	-	-	636.900	676.500
NTP	100	100	5.250.000	5.250.000	740.000	-	-	1.850.000	5.990.000	3.400.000
PLC	302	280	5.370.500	5.370.500	156.100	-	-	806.500	5.526.600	4.564.000
PVT	19	19	117.450	7.678.900	104.850	-	-	39.550	222.300	77.900
PVX	646	546	8.209.900	8.058.600	-	-	6.271.900	4.675.900	1.938.000	3.003.000
RCL	165	148	8.058.600	7.146.000	-	-	5.055.600	5.231.800	3.003.000	2.826.800
TCT	90	90	7.146.000	7.253.900	8.064.000	495.000	-	-	15.210.000	7.641.000
VCG	414	414	7.253.900	8.225.000	-	-	3.072.500	3.734.900	4.181.400	3.519.000
VSP	280	280	8.225.000	4.434.900	-	-	7.805.000	8.225.000	420.000	-
PVS	292	267	4.434.900	117.450	1.492.700	-	-	750.300	5.927.600	3.684.600
Khác	6.357	5.273	91.687.125	76.270.525	22.695.345	8.844.965	22.179.910	17.297.240	92.202.560	67.818.250
Trái phiếu	1.000	1.000	101.252.063	101.252.063	-	-	-	-	101.252.063	101.252.063
TD1114053	1.000	1.000	101.252.063	101.252.063	-	-	-	-	101.252.063	101.252.063
II. Đầu tư ngắn hạn khác			120.000.000.000	57.600.000.000	-	-	-	-	120.000.000.000	57.600.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng (ii)			120.000.000.000	57.600.000.000	-	-	-	-	120.000.000.000	57.600.000.000
			120.288.154.258	57.869.873.408	33.266.195	9.392.765	61.668.730	59.007.160	120.259.751.723	57.820.259.013

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – CTCK

Chỉ tiêu	Số lượng		Giá trị sổ sách		So với giá thị trường				Giá trị thị trường	
	Số dư cuối năm Cổ phiếu/Trái phiếu	Số dư đầu năm	Số dư cuối năm VND	Số dư đầu năm VND	Tăng VND	Giảm		Số dư cuối năm VND	Số dư đầu năm VND	VND
						Số dư cuối năm VND	Số dư đầu năm VND			
III. Đầu tư dài hạn khác			572.618.000	572.618.000	-	-	-	-	N/A	N/A
Công ty TNHH Mirae Asset Realty (Việt Nam) (iii)			572.618.000	572.618.000	-	-	-	-	N/A	N/A

- (i) Chứng khoán thương mại thể hiện các chứng khoán lô lẻ Công ty mua từ nhà đầu tư.
- (ii) Khoản này phản ánh tiền gửi có kỳ hạn mười hai tháng tại các ngân hàng tại Việt Nam. Các khoản tiền gửi này sẽ đáo hạn vào ngày 7 tháng 5 năm 2014.
- (iii) Công ty TNHH Mirae Asset Realty (Việt Nam) (“Mirae Asset Realty”) là một công ty TNHH được thành lập theo Giấy chứng nhận Đầu tư số 411022000515 do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 22 tháng 4 năm 2010. Các hoạt động chính của Mirae Asset Realty là cung cấp dịch vụ quản lý bất động sản. Đầu tư của Công ty chiếm 14,99% trong tổng vốn điều lệ của Mirae Asset Realty. Khoản đầu tư này được phản ánh trong các báo cáo tài chính này theo nguyên giá. Tại ngày báo cáo, Công ty không xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư này (Thuyết minh 23(e)).

Biến động dự phòng giảm giá chứng khoán thương mại trong năm như sau:

	2013 VND	2012 VND
Số dư đầu năm	59.007.160	-
Tăng dự phòng trong năm	19.237.133	59.007.160
Giảm dự phòng trong năm	(16.575.563)	-
Số dư cuối năm	61.668.730	59.007.160

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – CTCK

7. Phải thu từ hoạt động giao dịch chứng khoán

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Phải thu khách hàng	-	11.277.472
Tạm ứng cho khách hàng đối với các hoạt động kinh doanh chứng khoán (i)	2.045.238.707	402.780.374
Các khoản cho vay giao dịch ký quỹ (ii)	27.793.527.598	8.365.285.471
	<hr/>	<hr/>
	29.838.766.305	8.779.343.317
	<hr/>	<hr/>

- (i) Các khoản tạm ứng cho khách hàng trong hoạt động giao dịch chứng khoán chịu lãi suất là 0,04%/ngày và trong kỳ/năm các khoản tạm ứng này có kỳ hạn ban đầu từ 1 đến 3 ngày.
- (ii) Các khoản cho vay giao dịch ký quỹ được cấp cho các khách hàng thực hiện giao dịch ký quỹ. Khoản vay này có kỳ hạn ban đầu là 90 ngày, và trong năm khoản vay này chịu lãi suất là 0,028%/ngày cho hợp đồng ba tháng đầu của năm trăm khách hàng đầu tiên và 0,04%/ngày cho các hợp đồng khác. Khoản ký quỹ ban đầu và ký quỹ duy trì tối thiểu cho giao dịch ký quỹ là 50% và 35%.

8. Các khoản phải thu khác

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Lãi dự thu	8.088.757.528	2.306.000.000
Phải thu khác	267.065.570	108.930.516
	<hr/>	<hr/>
	8.355.823.098	2.414.930.516
	<hr/>	<hr/>

Bao gồm trong các khoản phải thu khác có các khoản phải thu từ các công ty liên quan sau:

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Phải thu từ các công ty liên quan khác		
Phi thương mại	79.626.125	54.031.725
	<hr/>	<hr/>

Các khoản phải thu phi thương mại từ các công ty liên quan không có đảm bảo, không chịu lãi và có thể thu được khi có nhu cầu.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – CTCK

9. Tài sản cố định hữu hình

2013	Thiết bị văn phòng VND	Phương tiện vận chuyển VND	Tổng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	9.287.038.425	4.455.869.359	13.742.907.784
Tăng trong năm	46.860.000	-	46.860.000
Xóa sổ	(1.395.636.795)	-	(1.395.636.795)
Phân loại lại sang chi phí trả trước ngắn hạn (*)	(363.292.283)	-	(363.292.283)
Phân loại lại sang chi phí trả trước dài hạn (*)	(60.734.340)	-	(60.734.340)
Số dư cuối năm	7.514.235.007	4.455.869.359	11.970.104.366
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	7.432.477.814	4.455.869.359	11.888.347.173
Khấu hao trong năm	696.555.775	-	696.555.775
Xóa sổ	(1.395.636.795)	-	(1.395.636.795)
Phân loại lại sang chi phí trả trước ngắn hạn (*)	(237.054.225)	-	(237.054.225)
Phân loại lại sang chi phí trả trước dài hạn (*)	(11.208.542)	-	(11.208.542)
Số dư cuối năm	6.485.134.027	4.455.869.359	10.941.003.386
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	1.854.560.611	-	1.854.560.611
Số dư cuối năm	1.029.100.980	-	1.029.100.980

(*) Trong năm, Công ty phân loại lại một vài tài sản cố định có giá trị thấp hơn 30 triệu VND vào chi phí trả trước dài hạn và chi phí trả trước ngắn hạn theo quy định của Thông tư 45 (xem Thuyết minh 3(e) (ii)).

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – CTCK

9. Tài sản cố định hữu hình (tiếp theo)

2012	Thiết bị văn phòng VND	Phương tiện vận chuyển VND	Tổng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	7.594.287.698	1.971.878.450	9.566.166.148
Tăng trong năm	1.692.750.727	-	1.692.750.727
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	-	2.483.990.909	2.483.990.909
Số dư cuối năm	9.287.038.425	4.455.869.359	13.742.907.784
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	6.447.986.416	1.844.838.580	8.292.824.996
Khấu hao trong năm	984.491.398	127.039.870	1.111.531.268
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	-	2.483.990.909	2.483.990.909
Số dư cuối năm	7.432.477.814	4.455.869.359	11.888.347.173
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	1.146.301.282	127.039.870	1.273.341.152
Số dư cuối năm	1.854.560.611	-	1.854.560.611

Bao gồm trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 có các tài sản có nguyên giá 9.789.169.763 VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 9.804.477.507 VND).

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – CTCK

10. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy vi tính	
	2013	2012
	VND	VND
Nguyên giá		
Số dư đầu năm	10.723.811.049	6.583.348.498
Tăng trong năm	2.019.080.100	4.140.462.551
Thanh lý	(5.258.515.809)	-
	7.484.375.340	10.723.811.049
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu năm	6.612.843.593	5.616.593.356
Khấu hao trong năm	1.456.312.804	996.250.237
Thanh lý	(5.205.902.809)	-
	2.863.253.588	6.612.843.593
Giá trị còn lại		
Số dư đầu năm	4.110.967.456	966.755.142
Số dư cuối năm	4.621.121.752	4.110.967.456

Bao gồm trong tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 có các tài sản có nguyên giá 1.151.543.729 VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 4.678.331.558 VND).

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – CTCK

11. Chi phí trả trước dài hạn

2013	Phí hội viên câu lạc bộ chơi gôn VND	Chi phí khác VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	1.112.337.786	781.515.988	1.893.853.774
Tăng trong năm	-	51.250.000	51.250.000
Phân loại lại từ tài sản cố định (xem Thuyết minh 9)	-	49.525.798	49.525.798
Phân bổ trong năm	(31.187.041)	(579.175.791)	(610.362.832)
Số dư cuối năm	1.081.150.745	303.115.995	1.384.266.740

2012	Phí hội viên câu lạc bộ chơi gôn VND	Chi phí khác VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	1.143.524.827	1.104.785.698	2.248.310.525
Tăng trong năm	-	224.416.297	224.416.297
Phân bổ trong năm	(31.187.041)	(547.686.007)	(578.873.048)
Số dư cuối năm	1.112.337.786	781.515.988	1.893.853.774

12. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán	865.992.296	408.599.012

Theo các Quyết định số 27/QĐ-VSD ngày 22 tháng 4 năm 2010 và Quyết định số 102/QĐ-VSD ngày 14 tháng 7 năm 2010 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam, Công ty

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – CTCK

phải ký quỹ một khoản tiền ban đầu là 120 triệu VND tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam và hàng năm phải đóng thêm 0,01% trên doanh số giao dịch môi giới chứng khoán niêm yết tại các Sở Giao dịch Chứng khoán của năm liền trước với số tiền đóng góp hàng năm vào Quỹ Hỗ trợ Thanh toán không quá 2,5 tỷ VND.

Biến động tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán trong năm như sau:

	2013	2012
	VND	VND
Số dư đầu năm	408.599.012	360.165.055
Tiền nộp bổ sung trong năm	413.277.696	15.383.526
Tiền lãi trong năm	44.115.588	33.050.431
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	865.992.296	408.599.012
	<hr/>	<hr/>

13. Tài sản dài hạn khác

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Tiền ký quỹ thuê văn phòng	1.425.691.853	1.518.383.541
	<hr/>	<hr/>

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Thuế thu nhập cá nhân của nhân viên	252.989.194	267.097.926
Thuế thu nhập của nhà đầu tư	69.596.975	10.348.667
Thuế giá trị gia tăng	-	271.001.827
Các loại thuế khác	434.632	2.289.881
	<hr/>	<hr/>
	323.020.801	550.738.301
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – CTCK

15. Chi phí phải trả

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Tiền thưởng phải trả	735.017.439	984.335.873
Phí chuyên môn	165.000.000	153.800.000
Chi phí giao dịch chứng khoán	103.298.635	314.846.661
Chi phí thuê	30.665.000	18.000.000
Chi phí khác	140.365.951	118.870.043
	<hr/>	<hr/>
	1.174.347.025	1.589.852.577
	<hr/>	<hr/>

16. Các khoản phải trả, phải nộp khác

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp	-	179.070
Kinh phí công đoàn	146.681.389	122.342.342
Phải trả cho các thẻ tín dụng	86.814.075	108.986.661
Các khoản phải trả, phải nộp khác	3.395	108.360.924
	<hr/>	<hr/>
	233.498.859	339.868.997
	<hr/>	<hr/>

17. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Tiền gửi thanh toán giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư	56.083.771.227	32.955.226.710
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – CTCK

18. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Quỹ dự trữ bổ sung vốn cổ phần VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lỗ lũy kế VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2012	300.000.000.000	-	-	(25.643.390.400)	274.356.609.600
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	237.502.345	237.502.345
Chuyển sang quỹ dự trữ bổ sung vốn cổ phần và quỹ dự phòng tài chính	-	11.875.117	11.875.117	(23.750.234)	-
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2013	300.000.000.000	11.875.117	11.875.117	(25.429.638.289)	274.594.111.945
Lỗ thuần trong năm	-	-	-	(14.390.494.288)	(14.390.494.288)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2013	300.000.000.000	11.875.117	11.875.117	(39.820.132.577)	260.203.617.657

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – CTCK

19. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty như sau:

	31/12/2013 và 31/12/2012	
	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	30.000.000	300.000.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành		
Cổ phiếu phổ thông	30.000.000	300.000.000.000
Cổ phiếu hiện đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	30.000.000	300.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

Trong năm, Công ty không có biến động vốn cổ phần.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và ngày 31 tháng 12 năm 2012, cơ cấu cổ đông của công ty như sau:

	Số cổ phiếu	VND	%
Công ty Mirae Asset Securites (HK) Ltd	14.700.000	147.000.000.000 0	49,0%
Công ty Cổ phần Đầu tư - Xây dựng P/E	13.590.000	135.900.000.000 0	45,3%
Cổ đông khác	1.710.000	17.100.000.000 0	5,7%
	30.000.000	300.000.000.000 0	100,0%

Công ty mẹ trực tiếp, Công ty Mirae Asset Securites (HK) Ltd, công ty mẹ cấp trung gian, Công ty Mirae Asset Securities Co., Ltd., và công ty mẹ cấp cao nhất Mirae Asset Financial Group, được thành lập lần lượt tại Hồng Kông và Hàn Quốc.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – CTCK

20. Doanh thu khác

Doanh thu khác chủ yếu bao gồm khoản thu nhập tiền lãi từ tiền gửi tại ngân hàng với số tiền là 19.910.739.000 VND cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (2012: 28.589.982.383 VND).

21. Thuế thu nhập

(a) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2013 VND	2012 VND
(Lỗ)/lãi trước thuế	(14.390.494.288)	391.023.229
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	(3.597.623.572)	97.755.807
Chi phí không được khấu trừ thuế	149.641.413	230.139.776
Thay đổi trong chênh lệch tạm thời chưa được ghi nhận	-	642.063.906
Lỗi tính thuế được sử dụng	-	(969.959.489)
Dự phòng thiếu trong những năm trước	-	153.520.884
	(3.447.982.159)	153.520.884
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận	3.447.982.159	-
	-	153.520.884

(b) Thuế suất áp dụng

Thuế suất thuế thu nhập của Công ty là 25%. Việc tính thuế thu nhập còn phụ thuộc vào sự kiểm tra và chấp thuận của cơ quan thuế.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – CTCK

(c) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận đối với các khoản mục sau:

31/12/2013		31/12/2012	
Lỗ tính thuế VND	Giá trị tính thuế VND	Lỗ tính thuế VND	Giá trị tính thuế VND
34.235.351.947	7.531.777.428	20.443.423.309	5.110.855.827
34.235.351.947	7.531.777.428	20.443.423.309	5.110.855.827

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại đối với lỗ tính thuế không được ghi nhận vì không chắc chắn sẽ có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để Công ty có thể sử dụng các lợi ích thuế của các khoản lỗ này.

Lỗ tính thuế hết hiệu lực vào các năm sau:

Năm hết hiệu lực	Tình hình quyết toán	Số lỗ được khấu trừ VND
2015	Đã quyết toán	16.155.547.593
2016	Đã quyết toán	8.167.713.672
2018	Chưa quyết toán	13.791.928.638
		38.115.189.903
	Trừ đi lỗ tính thuế đã sử dụng	(3.879.837.956)
	Lỗ tính thuế còn hiệu lực	34.235.351.947

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – CTCK

22. Biến động các khoản phải thu

Chỉ tiêu	Số dư đầu năm			Biến động		Số dư cuối năm			Dự phòng được lập
	Tổng VND	Quá hạn VND	Nghi ngờ VND	Tăng VND	Giảm VND	Tổng VND	Quá hạn VND	Nghi ngờ VND	
1. Phải thu khách hàng	3.978.555.000	-	-	-	3.978.555.000	-	-	-	-
2. Trả trước cho người bán	80.672.979	-	-	70.167.808	121.367.808	29.472.979	-	-	-
3. Phải thu từ hoạt động giao dịch chứng khoán	8.779.343.317	-	-	348.912.388.558	327.852.965.570	29.838.766.305	-	-	-
4. Phải thu khác	2.414.930.516	-	-	19.266.827.542	13.325.934.960	8.355.823.098	-	-	-
	15.253.501.812	-	-	368.249.383.908	345.278.823.338	38.224.062.382	-	-	-

23. Các công cụ tài chính

(a) Quản lý rủi ro tài chính

(i) Tổng quan

Các loại rủi ro mà Công ty phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- rủi ro tín dụng;
- rủi ro thanh khoản; và
- rủi ro thị trường.

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro nêu trên mà Công ty có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Công ty sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.

Hội đồng Quản trị của Công ty chịu trách nhiệm kiểm tra xem Tổng Giám đốc giám sát việc tuân thủ chính sách và thủ tục quản lý rủi ro của Công ty như thế nào, và soát xét tính thích hợp của khung quản lý rủi ro liên quan đến những rủi ro mà Công ty gặp phải.

(ii) Khung quản lý rủi ro

Tổng Giám đốc có trách nhiệm chung trong việc thiết lập và giám sát khung quản lý rủi ro của Công ty.

Các chính sách quản lý rủi ro của Công ty được thiết lập để phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty gặp phải, đưa ra các hạn mức và biện pháp kiểm soát rủi ro phù hợp, và theo dõi các rủi ro và tuân thủ theo các hạn mức. Các chính sách và hệ thống quản lý rủi ro được xem xét thường xuyên để phản ánh các thay đổi về điều kiện thị trường và các hoạt động của Công ty.

(b) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro lỗ tài chính của Công ty nếu một khách hàng hoặc bên đối tác của công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng.

Mức độ tập trung rủi ro tín dụng phát sinh từ các nhóm khách hàng có các đặc điểm kinh tế tương tự có khả năng không thể thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng khi có sự thay đổi trong điều kiện kinh tế hoặc các điều kiện khác. Mức độ tập trung chủ yếu của rủi ro tín dụng chính phát sinh theo loại khách hàng liên quan đến các khoản tạm ứng cho khách hàng đối với các hoạt động kinh doanh chứng khoán

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – CTCK

và các khoản cho vay giao dịch ký quỹ của Công ty.

Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng

Không tính đến các tài sản đảm bảo, rủi ro tín dụng tối đa của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
		225.226.741.95
Tiền và các khoản tương đương tiền (i)	150.109.510.786	3
	120.000.000.00	
Đầu tư ngắn hạn khác (i)	0	57.600.000.000
Phải thu khách hàng (ii)	-	3.978.555.000
Phải thu từ hoạt động giao dịch chứng khoán (ii)	29.838.766.305	8.779.343.317
Phải thu khác	8.355.823.098	2.414.930.516
Tài sản ngắn hạn khác	66.999.999	70.499.999
Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán	865.992.296	408.599.012
Tài sản dài hạn khác	1.425.691.853	1.518.383.541
	<u>310.662.784.33</u>	<u>299.997.053.33</u>
	<u>7</u>	<u>8</u>

(i) Tiền gửi tại ngân hàng

Tiền gửi tại ngân hàng của Công ty chủ yếu được gửi tại các tổ chức tài chính danh tiếng. Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Công ty.

(j) Các khoản phải thu

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – CTCK**

Rủi ro tín dụng của Công ty chịu ảnh hưởng chủ yếu bởi đặc điểm của từng khách hàng. Đối phó với những rủi ro này, Tổng Giám đốc của Công ty đã thiết lập một chính sách tín dụng, chủ yếu bao gồm ứng trước cho khách hàng cho giao dịch chứng khoán và cho vay giao dịch ký quỹ, mà theo đó mỗi khách hàng sẽ được phân tích riêng biệt về độ tin cậy của khả năng trả nợ trước khi Công ty đưa ra các điều khoản và điều kiện chuẩn cho khách hàng đó. Khách hàng có số dư phải thu quá hạn được yêu cầu phải thanh toán số dư này trước khi được tiếp tục cấp tín dụng. Công ty thiết lập chính sách này cũng yêu cầu giá trị tài khoản chứng khoán của khách hàng là khoản tài sản đảm bảo dựa trên kết quả đánh giá rủi ro tín dụng của việc cho vay giao dịch ký quỹ đối với từng khách hàng. Loại tài sản đảm bảo thường nhận là tiền gửi và chứng khoán. Tổng Giám đốc của Công ty theo dõi giá trị thị trường của các tài sản đảm bảo và sẽ yêu cầu thêm tài sản đảm bảo theo thỏa thuận, và theo dõi giá trị thị trường của tài sản đảm bảo thu được khi xem xét tính đầy đủ của dự phòng phải thu khó đòi.

Các khoản phải thu mà chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá chủ yếu liên quan đến nhiều khách hàng không có lịch sử vi phạm về việc trả nợ trong thời gian gần đây. Tổng Giám đốc tin rằng các khoản phải thu này có chất lượng tín dụng cao.

Bảng phân tích tài sản đảm bảo cho các tài sản tài chính chưa quá hạn hay chưa bị tổn thất như sau:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013	Đảm bảo VND	Không đảm bảo VND	Tổng VND
			150.109.510.78
Tiền và các khoản tương đương tiền		- 150.109.510.786	6
			120.000.000.00
Đầu tư ngắn hạn khác		- 120.000.000.000	0
Phải thu từ hoạt động giao dịch chứng khoán	9.838.766.305	-	29.838.766.305
Phải thu khác	-	8.355.823.098	8.355.823.098
Tài sản ngắn hạn khác	-	66.999.999	66.999.999
Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán	-	865.992.296	865.992.296
Tài sản dài hạn khác	-	1.425.691.853	1.425.691.853
	29.838.766.30	280.824.018.03	310.662.784.337
	5	2	

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – CTCK

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012	Đảm bảo	Không đảm bảo	Tổng
	VND	VND	VND
		225.226.741.95	
Tiền và các khoản tương đương tiền	-	3	225.226.741.953
		57.600.000.00	
Đầu tư ngắn hạn khác	-	0	57.600.000.000
Phải thu khách hàng	-	3.978.555.000	3.978.555.000
Phải thu từ hoạt động giao dịch chứng khoán	8.779.343.317	-	8.779.343.317
Phải thu khác	-	2.414.930.516	2.414.930.516
Tài sản tài chính ngắn hạn	-	70.499.999	70.499.999
Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán	-	408.599.012	408.599.012
Tài sản dài hạn khác	-	1.518.383.541	1.518.383.541
	8.779.343.317	291.217.710.021	299.997.053.338

Bảng bên dưới trình bày giá trị hợp lý của tài sản đảm bảo cho các khoản cho vay giao dịch ký quỹ:

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Tiền gửi ngân hàng – Tiền gửi thanh toán giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư	6.748.306.530	2.986.937.371
Chứng khoán niêm yết trên	40.485.554.70	
▪ <i>Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh</i>	0	21.174.845.100
	21.069.616.00	
▪ <i>Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội</i>	0	9.216.300.000
	68.303.477.230	33.378.082.471

(c) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty không thể thanh toán cho các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương pháp quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty là đảm bảo đến mức cao nhất có thể Công ty luôn có đủ thanh khoản để thanh toán các khoản nợ tài chính khi đến hạn trong cả điều kiện bình thường và điều kiện khó khăn, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Công ty.

Các khoản nợ tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

	Dòng tiền chưa chiết khấu theo		
	Giá trị ghi sổ VND	hợp đồng VND	Dưới 1 năm VND
Chi phí phải trả	1.174.347.025	1.174.347.025	1.174.347.025
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	56.083.771.227	56.083.771.227	56.083.771.227
Các khoản phải trả, phải nộp khác	233.498.859	233.498.859	233.498.859
	<u>57.491.617.111</u>	<u>57.491.617.111</u>	<u>57.491.617.111</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

	Dòng tiền chưa chiết khấu theo		
	Giá trị ghi sổ VND	hợp đồng VND	Dưới 1 năm VND
Chi phí phải trả	1.589.852.577	1.589.852.577	1.589.852.577
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	32.955.226.710	32.955.226.710	32.955.226.710
Các khoản phải trả, phải nộp khác	339.868.997	339.868.997	339.868.997
	<u>34.884.948.284</u>	<u>34.884.948.284</u>	<u>34.884.948.284</u>

(d) Rủi ro thị trường

Mẫu B 09 – CTCK

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá cổ phiếu sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Công ty nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

(i) Rủi ro tiền tệ

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi tỷ giá hối đoái.

Rủi ro tiền tệ của Công ty chủ yếu phát sinh từ tiền và các khoản tương đương tiền có gốc bằng USD. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, tiền và các khoản tương đương tiền của Công ty có gốc bằng USD tương đương 3.726.738 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 3.801.943 VND).

(ii) Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do sự thay đổi của lãi suất thị trường.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, rủi ro lãi suất của Công ty do sự thay đổi của lãi suất thị trường là rất nhỏ vì tài sản hưởng lãi và nợ phải trả chịu lãi có thời hạn ngắn.

(iii) Rủi ro về giá chứng khoán vốn

Rủi ro về giá chứng khoán vốn là rủi ro mà giá trị thị trường của chứng khoán vốn giảm do việc thay đổi giá trị của các chứng khoán riêng lẻ. Rủi ro về giá chứng khoán vốn phát sinh từ chứng khoán thương mại của Công ty.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, rủi ro về giá chứng khoán vốn của Công ty là rất nhỏ vì các khoản nắm giữ chứng khoán thương mại là không đáng kể.

(e) Giá trị hợp lý

Giá trị hợp lý là giá trị mà một tài sản đó có thể được trao đổi, hoặc một khoản nợ có thể được thanh toán giữa các bên có đầy đủ hiểu biết, mong muốn giao dịch trong một giao dịch trao đổi ngang giá.

Giá trị hợp lý của chứng khoán niêm yết dựa trên giá thị trường niêm yết như sau:

31/12/2013

31/12/2012

	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
Các khoản đầu tư ngắn hạn				
Chứng khoán niêm yết	125.233.465	158.499.660	109.614.185	119.006.950

Ngoại trừ các chứng khoán niêm yết nêu trên, Công ty không xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính để trình bày trên báo cáo tài chính bởi vì (i) không có giá niêm yết trên thị trường cho các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính này; và (ii) các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan không cung cấp hướng dẫn về việc đo lường giá trị hợp lý trong trường hợp không có giá niêm yết trên thị trường. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác biệt với giá trị ghi sổ của chúng.

24. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại Thuyết minh 8 của báo cáo tài chính, trong năm, Công ty có các giao dịch đáng kể với các bên liên quan như sau:

	Giá trị giao dịch		Số dư tại ngày 31 tháng	
	2013	2012	12	
	VND	VND	2013	2012
			VND	VND
Công ty Mirae Asset Securities Co., Ltd., - công ty mẹ cấp trung gian				
Doanh thu môi giới chứng khoán	8.972.608	2.015.894.980	-	-
Mirae Asset Global Investment Co. Ltd				
Doanh thu môi giới chứng khoán	529.141.477	-	-	-
Mirae Asset EXIM Investments Limited				
Doanh thu lưu ký chứng khoán	278.908.949	-	-	-

Công ty TNHH Mirae Asset

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – CTCK

Số dư tại ngày 31 tháng

Giá trị giao dịch		12	
2013	2012	2013	2012
VND	VND	VND	VND

Realty (Việt Nam)

Chi hộ 25.594.400 44.260.739 79.626.125 54.031.725

25. Hợp đồng thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Trong vòng một năm	1.068.785.614	1.412.461.234

Các khoản thanh toán thuê hoạt động phản ánh khoản tiền phải trả để thuê văn phòng của Công ty tại Thành phố Hồ Chí Minh và Hà Nội với khoản tiền thuê trung bình hàng tháng là 17.677 USD. Theo thỏa thuận thì các hợp đồng thuê này có thời hạn từ 4 đến 5 năm. Khoản tiền thuê phải trả cố định trong suốt thời gian thuê.

26. Số liệu so sánh

Một số số liệu so sánh được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày năm hiện thời. Bảng so sánh số liệu đã trình bày trong năm trước, trước và sau khi được phân loại lại như sau:

	2012	2012
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	VND	VND
	(phân loại lại)	(theo báo cáo trước đây)
Doanh thu từ môi giới chứng khoán	11.858.993.487	12.159.166.256
Doanh thu từ lưu ký chứng khoán	300.172.769	-

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – CTCK

Ngày 12 tháng 3 năm 2014

Người lập:



Bà Nguyễn Hồng Quyên
Kế toán viên

Người duyệt:



Bà Ngô Thanh Thùy
Kế toán trưởng



Ông Woo Young Ki
Tổng Giám đốc

Thay mặt CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MIRAE ASSET (VIỆT NAM)

WOO YOUNG KI
Tổng Giám Đốc